

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS – ST

Ngày: 28 – 02 – 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản*” thụ lý số 336/2022/TLST – DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Văng Minh TH, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số X, ấp Long Hòa Y, xã L A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979

2.2. Bà Nhan Ngọc T, sinh năm 1984

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng số X, nhà số Y, khóm A, phường T, thành phố L, An Giang. Địa chỉ khác: Kênh X, ấp Y, thị trấn P, huyện T, An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Quốc tế V (VIB)

Địa chỉ trụ sở: Tầng X và tầng Y, Tòa nhà SailingTower, số ZA Pasteur, phường Bến Nghé, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế V.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho các ông: Đinh Trung T, Danh Hoài H, Phạm Hoàng G. Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng X, tòa nhà Paxky số Y Ung Văn Khiêm, phường M, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn ủy quyền số 142317.22 ngày 20/12/2022).

Tại phiên tòa, ông TH, ông Th, ông Gi có mặt; ông D và bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Văng Minh TH trình bày:*

Do giữa ông và vợ chồng ông Phan Nguyễn Thanh D, bà Nhan Ngọc T có mối quan hệ là hàng xóm nên ông có cho ông D, bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 06/01/2022, ông cho ông D, bà T vay 500.000.000 đồng, mục đích vay là xây dựng nhà ở ấp Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn. Ông D có ký hợp đồng vay ngày 06/01/2022 với số tiền vay 500.000.000 đồng, bà T là vợ của ông D ký tên người biết được việc vay tiền. Ông trực tiếp giao tiền cho ông D, bà T tại Quán Ốc. Trong hợp đồng thỏa thuận thời điểm hoàn trả là ngày 06/4/2022, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Ông D nộp lãi được 05 tháng với số tiền là 125.000.000 đồng.

- Ngày 11/3/2022, ông tiếp tục cho ông D, bà T vay thêm 400.000.000 đồng, mục đích vay là đáo hạn Ngân hàng để tăng hạn mức cho vay. Ông D, bà T có ký tên vào Hợp đồng vay ngày 11/3/2022. Ông giao tiền cho ông vợ chồng họ tại Quán Ốc Vui Hơn. Trong hợp đồng thỏa thuận thời hạn trả 07 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 05%/tháng. Ông D, bà T nộp lãi được 03 tháng với số tiền là 60.000.000 đồng.

Để làm tin, ông D, bà T giao cho ông tài sản là 01 chiếc xe ô tô biển số 67A – 146.888, 01 Giấy biên nhận thế chấp số 2631342.20/02/VIB ngày 11/10/2021, Giấy đăng kiểm xe ngày 01/10/2020. Xe này, hiện nay bà T và ông D đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Việc giao xe và giao các giấy tờ giữa các bên không viết giấy giao nhận và mục đích không phải để bảo đảm nợ cho ông. Để chứng minh nguồn tiền trả nợ thì ông D, bà T cho biết là có thế chấp 02 căn nhà, ông bà đang xin tăng hạn mức tín dụng từ 7.500.000.000 đồng lên 8.500.000.000 đồng. Mặc dù đã được Ngân hàng giải ngân nhưng ông D, bà T không trả nợ cho ông. Sau đó, ông nhiều lần tìm kiếm ông D, bà T yêu cầu trả nợ, họ có hứa hẹn bán tài sản để thanh toán nhưng không thực hiện.

Ngày 15/6/22022, ông D và bà T có trao đổi về việc giảm lãi suất vay từ 5% xuống còn 3% mỗi tháng và trả vốn 50.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Ông cũng đồng ý với đề nghị này. Tuy nhiên, đến ngày 07/7/2022, ông gọi điện thoại cho họ thì không liên lạc được đến nay. Sau đó, ông có đến nơi cư ngụ khác của ông D, bà T là ấp Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, Thoại Sơn thì mẹ ruột của bà T thông tin với ông là họ đã không còn sống ở đây hơn 01 tuần và cũng không liên lạc được. Ông đến nơi ông D công tác thì Lãnh đạo cơ quan cũng thông báo là ông D đã nghỉ việc.

Nay, ông xác định, ông yêu cầu ông D, bà T phải có trách nhiệm trả cho ông tiền vốn vay còn nợ là 900.000.000 đồng và trả lãi từ tháng 7 năm 2022 đến khi vụ án

được xét xử xong với lãi suất theo quy định pháp luật. Về tiền lãi đã nhận, ông đồng ý điều chỉnh theo quy định của luật. Về chiếc xe ô tô biển số 67A – 146.88 và các giấy tờ kèm theo thì ông đồng ý giao trả theo quy định pháp luật.

** Theo Đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế V (tên viết tắt là VIB), các biên bản trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của VIB là ông Phạm Hoàng G trình bày:*

Ngày 01/10/2020, Ngân hàng TMCP Quốc tế V (VIB) – VIB chi nhánh An Giang và vợ chồng bà Nhan Ngọc T và ông Phan Nguyễn Thanh D thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 3381191.20. Nội dung thể hiện, VIB cho ông D, bà T vay 785.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi lăm triệu) đồng, mục đích thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV E, thời hạn vay là 96 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ 13, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Phương thức trả nợ gốc, lãi hàng tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ đầu tiên 05/11/2020, trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

Để bảo đảm nợ, bà T và ông D thế chấp chính chiếc xe mà họ vay để mua. Xe thế chấp nhãn hiệu là HONDA, số loại: CRV E, màu: Đen, số khung: MRHRW1830KP080207, số máy: L15BG2211940, biển kiểm soát: 67A-146.88 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031066 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp ngày 01/10/2020 do bà Nhan Ngọc T đứng tên chủ sở hữu. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 2631342.20 ngày 01/10/2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2020, VIB đã giải ngân số tiền trên theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ của ông D, bà T. Cũng cùng ngày này, VIB tiếp tục cấp thẻ tín dụng quốc tế theo đề nghị 07/11/2020 của bà T cũng là kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, loại thẻ VIB Financial Free, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T và ông D đã thanh toán cho VIB số tiền là 287.919.222 đồng (trong đó: gốc là 163.540.000 đồng, lãi là 124.379.222 đồng của hợp đồng tín dụng). Đến tháng 7 năm 2022, ông bà ngưng thanh toán cho đến nay. Như vậy, phía ông D và bà T đã vi phạm nghĩa vụ được thỏa thuận nên VIB nhiều lần tìm kiếm yêu cầu họ trả nợ trước hạn. Ông D bà T có hứa hẹn nhưng sau đó tắt điện thoại và bỏ đi nơi khác sinh sống.

Nay, VIB yêu cầu ông D, bà T có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền là 699.893.413 đồng, trong đó có tiền vốn còn nợ là 621.460.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 2.382.400, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là 76.105.013 đồng. Yêu cầu ông D, bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2023 đến khi trả hết nợ. Trường hợp, ông D, bà T không trả được nợ

hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải đã ký kết.

Về việc sử dụng thẻ tín dụng VIB Financial Free, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên VIB yêu cầu bà T trả tổng số tiền là 80.321.401 đồng, trong đó có nợ gốc là 49.437.137 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/2/2023 là 30.884.264 đồng. Yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 01/3/2023 cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, VIB không có ý kiến gì khác, không yêu cầu ông D liên đới nghĩa vụ trả cho VIB số tiền bà T còn nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/11/2020.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T, ông D là bị đơn trong vụ án vắng mặt trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông TH: Nhận thấy, việc ông D, bà T không trả được nợ như thỏa thuận tại Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 06/01/2022 và ngày 11/3/2022. Căn cứ Điều 463, 466, 468 470 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TH và xem xét điều chỉnh tiền lãi trả dư trừ vào vốn.

Xét yêu cầu của VIB: Nhận thấy, Hợp đồng tín dụng số 3381191.20 và Hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2631342.20 ngày 01/10/2020 giữa ông D, bà T với VIB là đúng quy định của pháp luật. Ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của VIB là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 317, 318, 320, 321, 322, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông D, bà T trả cho VIB số tiền vốn kèm theo lãi phát sinh, trường hợp ông D, bà T không trả được nợ thì VIB có quyền yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2631342.20 ngày 01/10/2020.

Xét yêu cầu của VIB về việc yêu cầu ông D, bà T liên đới nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi và phí còn nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/11/2020 của bà T: Nhận thấy, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của VIB rút lại yêu cầu đối với ông D, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này. Đối với bà T, quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà T vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi và phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lắng nghe ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Bị đơn có nơi cư trú hợp pháp tại phường M, thành phố L. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Người đại diện hợp pháp của VIB ủy quyền tham gia tố tụng cho các nhân viên đang làm việc tại VIB là ông Đinh Trung Thuyết, Danh Hoài Hậu, Phạm Hoàng Giang. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại Hợp đồng cho vay cá nhân ngày 06/01/2022 và ngày 11/3/2022, Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 3381191.20 ngày 01/10/2020, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 01/10/2020 và Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/11/2020, ghi nhận địa chỉ của ông D, bà T là Phòng X, nhà số Y, khóm T, phường M, thành phố LX. Địa chỉ này cũng là nơi ông bà đăng ký hộ khẩu TH trú theo Phiếu yêu cầu xác minh tình trạng cư trú ngày 27/10/2022. Như vậy, đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T có địa chỉ cư trú hợp pháp là Phòng số X, Nhà số Y, khóm T, phường M. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 và 179 của BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông D, bà T vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Như vậy, ông D, bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương khác để giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của VIB tự nguyện rút lại một phần yêu cầu độc lập, cụ thể là không yêu cầu ông D liên đới nghĩa vụ với bà T trả nợ theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/11/2020. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của BLTTDS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Về nội dung:

[6] Xét yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông TH cung cấp chứng cứ là: Bản chính Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 06/01/2022 và bản chính Hợp đồng cho

cá nhân vay tiền ngày 11/3/2022. Nội dung thể hiện, ngày 06/01/2022 ông TH cho ông D, bà T vay 500.000.000 đồng, thỏa thuận thời điểm thanh toán là ngày 06/4/2022; ngày 11/3/2022, ông TH tiếp tục cho ông D, bà T vay thêm 400.000.000 đồng, thỏa thuận thời điểm trả là 01 tuần, không ghi rõ lãi suất cho vay. Phía ông TH cho rằng giữa ông và ông D, bà T thỏa thuận bằng miệng trả lãi với lãi suất là 5% mỗi tháng và thừa nhận đã nhận lãi của ông D bà T tổng cộng là 185.000.000 đồng.

[6.1] Như vậy, có cơ sở xác định giữa ông TH, ông D và bà T đã xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn và có lãi. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự (viết tắt BLDS) để xem xét yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, đã hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông D, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của BLDS, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông TH. Tuy nhiên, do ông D, bà T đã trả tiền lãi với lãi suất cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS nên được Hội đồng xét xử điều chỉnh, phần tiền lãi trả dư sẽ được trừ vào vốn.

[6.2] Tiền lãi trả dư được trừ vào vốn, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 06/01/2022:

$500.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 05 \text{ tháng} = 41.750.000 \text{ đồng}.$

Tiền lãi trả thừa là: $125.000.000\text{đ} - 41.750.000 \text{ đồng} = 83.250.000 \text{ đồng}.$

Lãi trả thừa được trừ vào vốn, vốn còn lại 416.750.000 đồng.

- Đối với số tiền 400.000.000 đồng vay ngày 11/3/2022:

$400.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 03 \text{ tháng} = 20.040.000 \text{ đồng}.$

Lãi trả thừa là: $60.000.000 \text{ đồng} - 20.040.000 \text{ đồng} = 39.960.000 \text{ đồng}.$

Tiền lãi trả thừa được trừ vào vốn, vốn còn lại 360.040.000 đồng.

Tổng số tiền vốn còn lại là 776.790.000 đồng.

Lãi tính từ tháng 07/2022 đến thời điểm xét xử là:

$776.790.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 07 \text{ tháng} = 90.806.000 \text{ đồng}$

[7] Xét về yêu cầu độc lập của VIB là yêu cầu ông D, bà T liên đới trả nợ theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 3381191.20 ngày 01/10/2020 giữa VIB với bà Nhan Ngọc T và ông Phan Nguyễn Thanh D; yêu cầu ông D bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ; yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 01/10/2020 giữa VIB và vợ chồng bà Nhan Ngọc T, ông Phan Nguyễn Thanh D kho ông D, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ.

[8] Xét thấy, về nội dung và hình thức của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện theo quy định của BLDS nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện, ông D và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc lãi hàng tháng từ tháng 7/2022 đến nay. Do đó, việc VIB yêu cầu thanh toán nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng, Điều 466 của

BLDS, chấp nhận yêu cầu của VIB về việc yêu cầu ông D bà T trả nợ theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 3381191.20 ngày 01/10/2020. Trường hợp, ông D, bà T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì VIB được quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: CRV E, màu: Đen, số khung MRHRW1830KP080207, số máy: L15BG2211940, biển kiểm soát số 67A-146.88 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031066 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp ngày 01/10/2020 do bà Nhan Ngọc T đứng tên chủ sở hữu.

[9] Đối với yêu cầu bà T trả tiền vốn, tiền lãi và phí theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Nhan Ngọc T ngày 07/11/2020. Xét thấy, quá trình sử dụng thẻ, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ tháng 7/2022. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp của VIB, Hội đồng xét xử buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho VIB tiền vốn và lãi tạm tính đến 28/02/2023.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông TH được chấp nhận nên ông TH không phải chịu án phí. Ông TH được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000964 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX,

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Quốc tế V được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP Quốc tế V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.760.000 (mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001164 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Ông D và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 59.027.000 (năm mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.016.000 (bốn triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 157, 158, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho ông Văn Minh TH tổng số tiền là 867.596.000 (tám trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó, bao gồm tiền vốn còn nợ là 776.790.000 đồng và tiền lãi là 90.806.000 đồng.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc yêu cầu ông Phan Nguyễn Thanh D liên đới nghĩa vụ trả số tiền là 80.321.401 (tám mươi triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm lẻ một) đồng.

[3] Chấp nhận phần yêu cầu độc lập còn lại của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, cụ thể:

[3.1] Buộc bà Nhan Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ 80.321.401 (tám mươi triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm lẻ một) đồng. Trong đó, bao gồm nợ gốc là 49.437.137 đồng và lãi, phí tạm tính đến ngày 28/02/2023 là 30.884.264 đồng.

Kể từ ngày 01/3/2023, bà T còn phải có trách nhiệm trả lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán hết tiền còn nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Nhan Ngọc T ngày 07/11/2020.

[3.2] Buộc ông Phan Nguyễn Thanh D và bà Nhan Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ 780.268.815 (bảy trăm tám mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười lăm) đồng. Trong đó, bao gồm nợ gốc là 621.460.000 đồng, lãi trong hạn là 2.382.400 đồng và lãi quá hạn là 76.05013 đồng, phí tạm tính đến ngày 28/02/2023 là 30.884.264 đồng.

Kể từ ngày 01/3/2023, ông D và bà T còn phải có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 3381191.20 ngày 01/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với bà Nhan Ngọc T và ông Phan Nguyễn Thanh D.

Trường hợp, bà T và ông D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2631342.20 ngày 01/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và bà Nhan Ngọc T, ông Phan Nguyễn Thanh D. Tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại CRV E, màu: Đen, số khung: MRHRW1830KP080207, số máy: L15BG2211940, biển kiểm soát số 67A- 146.88 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031066 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp ngày 01/10/2020 do bà Nhan Ngọc T đứng tên chủ sở hữu).

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông TH được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000964 ngày 27/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.760.000 (mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001164 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Ông D và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 59.027.000 (năm mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.016.000 (bốn triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.LX
- Chi cục THADS TP. LX;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phạm Xuân Khanh